TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST

Ngày: 11/11/2019

V/v "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn;

2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa***: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - kiểm sát viên.

Ngày 11/11/2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc: "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-DS ngày 04/10/2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hoàng K, sinh năm 1977 và ông Nguyễn Văn T sinh năm 1972. Có mặt.

Cùng trú tại địa chỉ: Số nhà 325 đường Q, tổ 8, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973 và ông Lê Văn T, sinh năm 1972. Vắng mặt không có lý do.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2017, nguyên đơn có bán cho bị đơn ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T một số mặt hàng bàn ghế gỗ (loại thô), việc mua bán giữa hai bên chỉ nói miệng với nhau, không lập hợp đồng mua bán. Khi nguyên đơn giao hàng, bị đơn trả bằng tiền mặt trực tiếp cho nguyên đơn. Quá trình mua bán, nguyên đơn có cho bị đơn nợ lại tiền mua hàng, hai bên có lập sổ theo dõi và cùng nhau đối chiếu để chốt lại số tiền nợ.

Tính đến ngày 21/12(ÂL) năm 2017, bị đơn còn nợ tiền mua hàng của nguyên đơn với tổng số tiền là: 85.800.000đ (Tám mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn).

Năm 2018, bị đơn không tiếp tục mua hàng của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn đối chiếu công nợ và thanh toán số tiền hàng còn nợ cho nguyên đơn, nhưng bị đơn không hợp tác và không thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn mà còn có những hành vi gây gỗ, đánh đuổi nguyên đơn khi nguyên đơn đến nhà bị đơn yêu cầu trả nợ.

Vì vậy, nguyên đơn căn cứ vào tài liệu hai bên chốt nợ vào ngày 21/12(ÂL) năm 2017 để khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền nợ 85.800.000đồng (Tám mươi năm triệu tám trăm ngàn đồng chẵn) cho nguyên đơn.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn và bị đơn có đối chiếu lại sổ nợ, nguyên đơn thống nhất trừ cho bị đơn 55.000.000đồng bao gồm:

- 20.000.000đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn vào ngày 09/3/2018;
- 12.000.000đồng bị đơn đặt cọc cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn chưa giao hàng;
- 13.000.000đồng nguyên đơn giảm trừ cho bị đơn đối với số hàng không đúng quy cách bị đơn trả lại cho nguyên đơn;
- 10.000.000đồng nguyên đơn chịu phạt cọc do chậm giao hàng cho bị đơn theo hợp đồng miệng ngày 26/10/2017.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/7/2019 nguyên đơn xác nhận lại số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 30.800.000đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 30.800.000đồng là tiền bị đơn còn nợ trong quá trình mua bàn ghế gỗ của nguyên đơn.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số tiền nợ 30.800.000đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án 01 tài liệu là giấy viết tay ghi lại các khoản tiền bị đơn nợ của nguyên đơn trong năm 2017.Ngoài ra nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa án các tài liệu cứng cứ gồm: 01 bản phô tô giấy biên nhận ngày 04/3/2108; 02 bản sao số chứng minh nhân dân; 01 bản sao Sổ hộ khẩu; 01 đơn xác nhận nơi cư trú.

Ngoài những nội dung nêu trên, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác và cũng không cung cấp thêm cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tại bản trình bày ngày 03/4/2019, bị đơn ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T trình bày:

Trong năm 2017 bị đơn có mua bàn ghế gỗ của nguyên đơn và có nợ nguyên đơn số tiền là 137.700.000đồng, cụ thể:

01 kệ tivi gỗ Gõ giá 8.500.000đồng;

01 bộ Gõ 6 món còn nợ 7.000.000đồng;

01 bộ Nhãn còn nợ 6.700.000đồng;

2 bộ Xà Cừ 7 món còn nợ 11.000.000đồng;

01 bộ Xà Cừ còn nợ 10.000.000đồng;

02 khay đựng bình trà còn nợ 1.100.000đồng;

01 bộ xà Cừ 7 món còn nợ 10.200.000đồng;

01 bộ bàn ăn 6 ghế Gỗ Sồi còn nợ 4.200.000đồng;

02 Bộ Xà Cừ 7 món còn nợ 21.000.000đồng;

01 Bộ Tần 10 món còn nợ 38.000.000đồng;

02 bộ xà cừ 7 món còn nợ 20.000.000đồng.

Trong số nợ trên, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 96.900.000đồng bằng tiền mặt.

Số tiền còn nợ lại là 40.800.000đồng, bị đơn trừ 10.000.000đồng là tiền bị đơn phạt cọc nguyên đơn đối với bộ bàn ghế Gõ đỏ bị đơn đặt mua hàng của nguyên đơn vào ngày 26/10/2017, giá bộ bàn này được thống nhất là 37.500.000đồng, bị đơn có đặt cọc cho nguyên đơn 12.000.000đồng, bị đơn báo giá lại cho khách đặt hàng với giá bán là 45.000.000đồng, nguyên đơn hẹn đúng hai tháng sẽ giao hàng cho bị đơn nhưng sau đó nguyên đơn không giao được hàng cho bị đơn, bị đơn phải mua hàng nơi khác để giao cho khách, vì mua gấp nên phải mua với giá 58.000.000đồng, cao hơn giá bị đơn nhận với khách là 13.000.000đồng, việc nguyên đơn không giao hàng làm cho bị đơn bị thiệt hại 13.000.000đồng, vì vậy nguyên đơn phải chịu phạt cọc 10.000.000đồng.

Như vậy, sau khi tính trừ các khoản đã nêu trên, tính đến ngày 03/4/2019 bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền là 30.800.000đồng.

Bị đơn đồng ý trả số tiền nợ 30.800.000đồng cho nguyên đơn với điều kiện nguyên đơn phải sửa chữa một số bàn ghế nguyên đơn bán cho bị đơn, bị đơn đã giao cho khách hàng nay bị hư hỏng trong thời hạn còn bảo hành cho khách.

Ngoài nội dung nêu trên, bị đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đã vi phạm Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ do bị đơn mua bàn ghế của nguyên đơn là 30.800.000đồng (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng), bị đơn cũng công nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 30.800.000đồng (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng) nhưng bị đơn chỉ đồng ý trả tiền cho nguyên đơn với yêu cầu nguyên đơn phải sửa chữa một số bàn ghế nguyên đơn bán cho bị đơn, bị đơn đã giao cho khách hàng nay bị hư hỏng trong thời hạn còn bảo hành cho khách.

Về số tiền nợ: các bên đã thống nhất, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 430, 431, 433, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, 94, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 30.800.000đồng (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Về việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải sửa chữa một số bàn ghế nguyên đơn bán cho bị đơn, bị đơn đã giao cho khách hàng nay bị hư hỏng trong thời hạn còn bảo hành cho khách nhưng bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện giữa các bên có thỏa thuận về việc nguyên đơn có trách nhiệm bảo hành hàng hóa nên yêu cầu của bị đơn không có căn cứ, đề nghị HĐXX không chấp nhận.

Về Án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và Lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên Tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được thụ lý và xét xử theo thủ tục thông thường.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn thanh toán tiền mua hàng còn nợ được xác định là "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4] Về nội dung vụ án:

Phát sinh từ quan hệ mua bán hàng hóa (bàn ghế gỗ loại thô) giữa nguyên đơn và bị đơn trong năm 2017, việc mua bán giữa các bên không lập thành hợp đồng

mua bán cụ thể, chỉ thỏa thuận bằng miệng và có giấy xác nhận nợ giữa hai bên. Xét việc mua bán bàn ghế gỗ giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Do bị đơn không thực hiện việc trả nợ tiền mua bàn ghế cho nguyên đơn nên ngày 25/3/2019 nguyên đơn căn cứ vào giấy xác nhận nợ đề ngày 26/12/2017 khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 85.000.000đồng.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn công nhận có mua bàn ghế gỗ của nguyên đơn và thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 30.800.000đồng (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/7/2019 nguyên đơn xác nhận lại số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 30.800.000đồng (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng) và yêu cầu bị đơn phải trả nợ, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 30.800.000đồng (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng), nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy, tại bản trình bày ngày 03/4/2019 bị đơn cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua bàn ghế là 30.800.000đồng,

Từ các tình tiết trên, Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả cho nguyên đơn 30.800.000đồng tiền nợ là có căn cứ và thuộc trường hợp không phải chứng minh.

Căn cứ quy định tại các Điều 429, 430, 431, 433, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ do mua bàn ghế của nguyên đơn là 30.800.000đồng (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Đối với trình bày của bị đơn tại bản trình bày ngày 03/4/2019 về việc yêu cầu nguyên đơn phải sửa chữa một số bàn ghế nguyên đơn bán cho bị đơn, bị đơn đã giao cho khách hàng nay bị hư hỏng trong thời hạn còn bảo hành cho khách, thì bị đơn mới trả số tiền nợ 30.800.000đồng cho nguyên đơn, Tòa án đã có thông báo cho bị đơn về việc làm đơn khởi kiện đối với yêu cầu phản tố và nộp kèm theo đơn tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ nhưng bị đơn không thực hiện và cũng không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh giữa bị đơn và nguyên đơn có thỏa thuận về việc bảo hành số bàn ghế mua bán giữa hai bên, do đó yêu cầu của bị đơn không được Tòa án thụ lý giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên họp không có lý do, do đó Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận về nội dung vụ kiện.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ 30.800.000đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và Lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ 30.800.000đồng nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 30.800.000đồng x 5% = 1.540.000đồng (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 429, Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hoàng K và ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị Hoàng K và ông Nguyễn Văn T số tiền mua bàn ghế còn nợ là 30.800.000đồng (Ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí: Ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.540.000đồng (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

7. Hoàn trả cho bà Võ Thị Hoàng K và ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí 2.145.000đồng (hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0004142 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hằng